

UBND HUYỆN PHÚ TÂN  
VĂN PHÒNG

Số: 623 /BC-VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Tân, ngày 01 tháng 4 năm 2024

## BÁO CÁO

Kết quả xếp loại các đơn vị theo Bộ Chỉ số phục vụ người dân,  
doanh nghiệp (Quyết định số 766/QĐ-TTg) Tháng 3

Thực hiện Công văn số 124/UBND-TH ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc giao chỉ tiêu triển khai thực hiện một số nội dung trong hoạt động KSTTHC, CCTTHC tại Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và Nghị quyết số 01/NQ-CP.

Thực hiện Công văn số 308/UBND-TH ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc đôn đốc thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Công văn số 1029/UBND-TH ngày 09/8/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 933/QĐ-TTg ngày 06/8/2023.

Văn phòng HĐND và UBND huyện Phú Tân báo cáo kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp **tháng 3 năm 2024** như sau:

1. Tổng số điểm huyện đạt: **88.62/100** điểm, xếp hạng 01/11 huyện, thị xã, thành phố, xếp loại **“TỐT”** so với thang điểm được quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Qua đó, báo cáo thống kê kết quả xếp loại của các đơn vị, địa phương (**đính kèm Phụ lục 1**).

2. Văn phòng HĐND và UBND huyện đề nghị:

a) Thủ trưởng các đơn vị, địa phương:

Định kỳ thứ 6 hàng tuần (trước 11 giờ) chỉ đạo công chức, viên chức thực hiện rà soát, đối chiếu hồ sơ trễ hạn trên Cổng dịch vụ công quốc gia với Cổng dịch vụ công của tỉnh, gửi về phòng Văn hóa – Thông tin để kịp thời báo cáo Sở thông tin và Truyền thông.

Quan tâm chỉ đạo rà soát các tiêu chí thành phần như: công khai minh bạch, tiến độ giải quyết, số hóa hồ sơ, Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến,...  
Cụ thể:

- Chỉ số Công khai, minh bạch, các đơn vị cần quan tâm, rà soát chấn chỉnh gồm: Long Hòa, Phú Xuân, Tân Trung; Mặt khác, rà soát và khẩn trương xem lại tình trạng tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả các xã, thị trấn có số lượng hồ sơ thấp (dưới 08 hồ sơ/ ngày). Đồng thời, các đơn vị cần đảm bảo 100% hồ sơ tiếp nhận thực tế trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Chỉ số Tiến độ giải quyết TTHC: Các đơn vị thường xuyên kiểm tra và giải quyết đảm bảo đúng tiến độ theo thời gian quy định.

- Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến: Phú Thành cần quan tâm, rà soát chấn chỉnh đảm bảo thực hiện tiếp nhận đúng mức độ dịch vụ công trực tuyến. Mặt khác, các đơn vị, địa phương phải sử dụng tài khoản công dân để đăng nhập và nộp hồ sơ trực tuyến.

- Chỉ số Số hóa hồ sơ: Các đơn vị phải thực hiện số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC. Thực hiện việc lưu trữ dữ liệu vào “Hệ thống Kho dữ liệu điện tử công dân” vào tài khoản công dân theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông; Đẩy mạnh việc khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa; Mặt khác, các đơn vị cần khẩn trương thực hiện tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ theo quy định. Thực hiện tốt thủ tục chứng thực bản sao điện tử từ bản chính để cải thiện Chỉ số Số hóa theo Quyết định số 766/QĐ-TTg.

b) Bộ phận Một cửa huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung sau:

Rà soát đẩy mạnh thanh toán trực tuyến phí, lệ phí; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính lĩnh vực Đất đai.

Đôn đốc các ngành liên quan thực hiện tiếp nhận 100% hồ sơ tiếp nhận thực tế trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo thời gian theo quy định. Mặt khác, định kỳ thứ 6 hàng tuần (trước 11 giờ) rà soát, đối chiếu hồ sơ trễ hạn trên Cổng dịch vụ công quốc gia với Cổng dịch vụ công của tỉnh, gửi về phòng Văn hóa – Thông tin để kịp thời báo cáo Sở thông tin và Truyền thông.

Thực hiện việc lưu trữ dữ liệu vào “Hệ thống Kho dữ liệu điện tử công dân” theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông; Đẩy mạnh việc khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa. Mặt khác, khẩn trương thực hiện tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ theo quy định.

c) Phòng Văn hóa – Thông tin

Thực hiện công bố, công khai kết quả xếp loại của các địa phương theo Quyết định số 766/QĐ-TTg trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

Chủ trì, phối hợp với văn phòng HĐND và UBND huyện, các đơn vị liên quan thường xuyên rà soát, hướng dẫn và nhắc nhở, đôn đốc việc thực hiện các chỉ số Công khai minh bạch, tiến độ giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ của các đơn vị, địa phương. Đồng thời, theo dõi, hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện việc tiếp nhận TTHC đảm bảo theo đúng mức độ dịch vụ công trực tuyến, lưu trữ dữ liệu vào “Hệ thống Kho dữ liệu

điện tử công dân”, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, tái sử dụng kết quả giải quyết TTHC theo hướng dẫn đảm bảo theo đúng quy định.

Tổng hợp danh sách hồ sơ rà soát tích hợp trạng thái gửi về Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ đồng bộ trạng thái giữa Cổng dịch vụ công quốc gia với Cổng dịch vụ công của tỉnh.

**d) Phòng Tư pháp**

Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

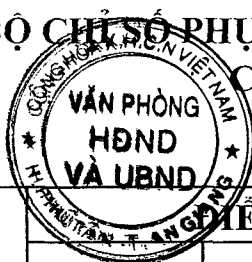
Trên đây là kết quả thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Phú Tân. / *nguy*

**Nơi nhận:**

- TT UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Các phòng chuyên môn huyện;
- Công TTĐT huyện;
- Bộ phận Một cửa huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



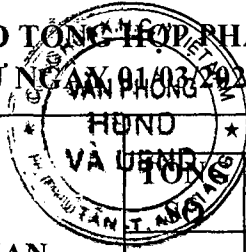
**BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC,  
CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG - THÁNG 3**  
(Thời gian chốt số liệu: Ngày 01/4/2024)



STT	ĐƠN VỊ	ĐIỂM TỔNG HỢP				CÔNG KHAI, MINH BẠCH (%)	TIỀN ĐỘ GIẢI QUYẾT (%)	DỊCH VỤ CÔNG TT		SỐ HÓA HỒ SƠ		
		THÁNG 3	XẾP LOẠI	Tuần 04- Tháng 3	ĐIỂM (TĂNG/GIẢM)			DVCTT	THANH TOÁN TRỰC TUYẾN	SỐ HÓA HỒ SƠ (80%)	CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ	LŨY KẾ THÁNG 3
<b>TOÀN HUYỆN</b>		<b>88.62</b>	<b>TỐT</b>	<b>88.36</b>	0.26	99	99.55	84.5	79.9	78.5	<b>0</b>	<b>23,546</b>
1	CHỢ VÀM	89.2	TỐT	89.2	0	100	100	99.4	98.83	82.1	0	2629
2	PHÚ BÌNH	89.09	TỐT	89.1	-0.01	100	100	99.4	100	81.9	0	1502
3	PHÚ LÂM	89.09	TỐT	89.08	0.01	100	100	98.1	100	81.9	0	855
4	HIỆP XƯƠNG	89.02	TỐT	89.02	0	100	100	100	99.13	82.1	0	1150
5	PHÚ HIỆP	88.78	TỐT	88.78	0	100	100	98.7	93.08	82.2	0	1369
6	PHÚ THỌ	88.75	TỐT	88.73	0.02	100	100	91.5	97.83	82.1	0	1127
7	PHÚ HUNG	88.73	TỐT	88.86	-0.13	100	100	92.4	95.6	82	0	666
8	TÂN HÒA	88.71	TỐT	88.69	0.02	100	100	85.6	95.8	82.2	0	1661
9	PHÚ MỸ	88.65	TỐT	88.72	-0.07	100	100	98.6	95.35	81.6	0	2592
10	PHÚ LONG	88.55	TỐT	88.53	0.02	100	100	94	100	<u>79.5</u>	0	1010
11	PHÚ THÀNH	88.53	TỐT	88.61	-0.08	100	100	<u>67</u>	<u>70.16</u>	81.1	0	1289
12	PHÚ AN	88.28	TỐT	88.28	0	100	100	91.5	92.53	81.4	0	2264
13	PHÚ THẠNH	86.26	TỐT	84.26	2	91.4	93.38	96	99.19	82.1	0	1042
14	BÌNH THẠNH ĐÔNG	85.93	TỐT	87.2	-1.27	83.3	100	97.8	94.17	82.2	0	1527
15	HÒA LẠC	85.84	TỐT	87.97	-2.13	83.5	97.63	85.4	84.4	81.8	0	1223
16	PHÚ XUÂN	84.98	TỐT	85.58	-0.6	<u>76.9</u>	100	100	100	82.1	0	498
17	TÂN TRUNG	84.64	TỐT	82.3	2.34	<u>78.2</u>	100	99.3	86.09	81.5	0	691
18	LONG HÒA	80.6	TỐT	80.23	0.37	<u>56.9</u>	100	87	91	81.5	0	451

**BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÂN MỀM MỘT CỬA ĐIỆN TỬ**  
**TỪ NGÀY 01/03/2024 ĐẾN NGÀY 31/03/2024**

Phụ lục 2



STT	TÊN CƠ QUAN	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI						TÌNH HÌNH XỬ LÝ							
		SỐ HỒ SƠ TIẾP NHẬN   SỐ THỦ						HỒ SƠ TỒN	TIẾP NHẬN		ĐÃ GIẢI QUYẾT			CHƯA GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ GIẢI QUYẾT %
		Một	Một phần		Toàn trình		MCĐT		TRỰC TUYẾN	Một phần (Trực tiếp)	Một phần (Trực tuyến)	Toàn trình			
HSTN	HSTN	HSTN trực tiếp	HSTN trực tuyến	HSTN trực tiếp	HSTN trực tuyến										
1	UBND xã Phú Bình	252	1	0	168	0	83	0	1	251	0	168	83	1	99.6
2	UBND xã Tân Hòa	143	0	1	52	0	90	0	1	142	0	53	90	0	100
3	UBND xã Phú Long	124	7	0	93	0	24	0	7	117	0	93	24	7	94.4
4	UBND xã Phú An	341	21	0	233	0	87	0	21	320	21	233	87	0	100
5	UBND xã Phú Hiệp	147	3	0	109	0	35	0	3	144	3	109	35	0	100
6	UBND xã Phú Hưng	264	3	2	168	1	90	0	6	258	3	170	91	0	100
7	UBND xã Phú Thành	127	12	17	49	0	49	0	29	98	12	66	49	0	100
8	UBND xã Phú Thạnh	125	0	0	93	0	32	0	0	125	0	93	32	0	100
9	UBND xã Phú Thọ	267	3	1	174	0	89	0	4	263	3	175	89	0	100
10	UBND xã Phú Xuân	56	0	0	36	0	20	0	0	56	0	36	20	0	100
11	UBND xã Hòa Lạc	146	13	2	24	0	107	0	15	131	13	26	107	0	100
12	UBND xã Hiệp Xương	229	0	0	186	0	43	0	0	229	0	186	43	0	100
13	UBND xã Phú Lâm	155	1	1	120	0	33	0	2	153	0	121	33	1	99.4
14	UBND tt Phú Mỹ	323	0	3	146	0	174	0	3	320	0	147	174	2	99.4
15	UBND xã Bình Thạnh Đông	231	6	0	117	0	108	0	6	225	6	117	108	0	100
16	UBND xã Long Hòa	103	3	1	52	1	46	0	5	98	3	53	47	0	100
17	UBND tt Chợ Vàm	430	3	0	362	0	65	0	3	427	3	362	65	0	100
18	UBND xã Tân Trung	109	0	0	42	0	67	0	0	109	0	42	67	0	100
19	Bộ phận TN & TKQ huyện Phú Tân	1086	67	3	854	0	162	92	70	1016	32	734	144	268	77.2
20	Phòng Nội vụ huyện Phú Tân	22	0	0	0	0	22	0	0	22	0	0	22	0	100
21	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Tân	8	0	0	0	0	8	0	0	8	0	0	8	0	100
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4688</b>	<b>143</b>	<b>31</b>	<b>3078</b>	<b>2</b>	<b>1434</b>	<b>92</b>	<b>176</b>	<b>4512</b>	<b>99</b>	<b>2984</b>	<b>1418</b>	<b>279</b>	



# PHÒNG KÊ TỌNG HỢP TÌNH HÌNH SỐ HOÁ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Phụ lục 3

(Từ ngày 01 tháng 03 năm 2024 đến ngày 31 tháng 03 năm 2024)

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận					Số hoá kết quả giải quyết TTHC				Tái sử dụng kết		
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ chưa số hoá TPHS	Số hồ sơ có số hoá thành phần HS	Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ chưa số hoá kết quả	Số hồ sơ có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ	Số hồ sơ tái sử dụng kết quả số hóa	Lũy kế Tái sử dụng Năm 2024	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)	(10)	(11)	
1	UBND tt Chợ Vàm	430	19.55	0	430	430	100	430	0	430	100	0	0
2	UBND xã Phú Thọ	267	12.14	0	267	266	99.63	266	0	266	100	0	0
3	UBND xã Phú An	341	15.50	0	341	341	100	341	0	341	100	0	4
4	UBND xã Phú Thành	127	5.77	0	127	126	99.21	127	0	127	100	0	0
5	UBND xã Tân Trung	109	4.95	2	107	94	86.24	109	1	108	99.08	0	0
6	UBND xã Phú Thạnh	125	5.68	0	125	125	100	125	1	124	99.2	0	0
7	UBND xã Hiệp Xương	229	10.41	0	229	229	100	229	0	229	100	0	0
8	UBND xã Phú Hưng	264	12.00	0	264	264	100	262	0	262	100	0	0
9	UBND tt Phú Mỹ	324	14.73	2	322	319	98.46	320	0	320	100	0	2
10	UBND xã Hòa Lạc	146	6.64	0	146	146	100	144	0	144	100	0	0
11	UBND xã Tân Hòa	143	6.50	0	143	142	99.3	142	0	142	100	2	2
12	UBND xã Phú Bình	252	11.45	0	252	249	98.81	251	0	251	100	0	2
13	UBND xã Phú Hiệp	147	6.68	1	146	146	99.32	147	0	147	100	0	0
14	UBND xã Phú Long	124	5.64	7	117	117	94.35	117	0	117	100	0	0
15	UBND xã Phú Xuân	<u>56</u>	2.55	0	56	56	100	56	0	56	100	0	0
16	UBND xã Long Hòa	103	4.68	0	103	103	100	102	0	102	100	0	0
17	UBND xã Bình Thạnh Đông	231	10.50	0	231	231	100	231	0	231	100	0	0
18	UBND xã Phú Lâm	156	7.09	1	155	155	99.36	153	0	153	100	0	0
19	Phòng Nội vụ	22	1.00	0	22	22	100	22	0	22	100	0	0
20	Bộ phận TN & TKQ huyện	1104	50.18	0	1104	1103	99.91	1127	25	1102	97.78	0	0
21	Phòng Giáo dục và Đào tạo	8	0.36	0	8	0	0	8	0	8	100	0	0
	<b>Tổng số</b>	<b>4708</b>		<b>13</b>	<b>4695</b>	<b>4664</b>	<b>99.07</b>	<b>4709</b>	<b>27</b>	<b>4682</b>	<b>99.43</b>	<b>2</b>	<b>10</b>